

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/DS-PT

Ngày 10 - 01 - 2023

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết

Ông Trần Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Loan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 341/2022/TLPT-DS ngày 22/11/2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 274/2022/QĐ-PT ngày 25/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Mai H, sinh năm 1966; địa chỉ: Chợ L, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đức D, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ A, thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; trụ sở: Xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Trung K, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Q (Vắng mặt).

3.2. Công ty cổ phần cà phê PA.

Người đại diện ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nhị H1; địa chỉ: Km X, Quốc lộ X1, xã Y, huyện P1, tỉnh Đắk Lắk (Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2022) (Vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Nguyễn Văn Q1; địa chỉ: Đường N, thị trấn P2, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

4.2. Ông Nguyễn Đình S; địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

5. *Người kháng cáo, kháng nghị:* Bị đơn ông Huỳnh Đức D và Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mai H trình bày:

Khoảng giữa năm 1995, Hợp tác xã PB có nhu cầu bán đất để lấy tiền xây dựng trường mầm non và làm đường giao thông liên thôn. Lúc này, ông Đỗ H2 là Chủ nhiệm hợp tác xã, ông Trần L1 là Trưởng thôn 2 và ông Nguyễn Văn Q1 làm Chủ tịch xã P2. Ông H đã ký hợp đồng chuyển đổi đất dịch vụ (thực tế là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất) với Hợp tác xã B để nhận chuyển nhượng 02 thửa đất liền kề nhau có tổng diện tích 208m².

Năm 1995, ông H giao tiền cho Hợp tác xã lần 01 là 60.000.000 đồng; giao tiền lần 2 vào đầu năm 1996, ông H mượn của ông Nguyễn Đình S 60.000.000 đồng, ông S mang tiền giao cho ông H tại Hợp tác xã và ông H đã nộp cho ông H2 và ông L1 60.000.000 đồng này. Sau khi Hợp tác xã và Trưởng thôn đã nhận đủ số tiền 120.000.000 đồng, Hợp tác xã đã ký giấy bán đất cho ông H, trong giấy có ông Đỗ H2 - Chủ nhiệm Hợp tác xã, ông Trần L1 - Trưởng thôn và ông Nguyễn Văn Q1 - Chủ tịch xã đều đã ký và xác nhận bán đất cho ông H. Khi bàn giao đất không có tài sản gì trên đất. Đầu năm 1996, ông H xây nhà, đổ 16 trụ bê tông và xây dựng nhà trên lô thứ nhất với diện tích 182m², lô thứ hai ông đào một giếng nước và 01 hầm rút. Tất cả việc mua bán giữa ông H và Hợp tác xã đều có chứng từ đầy đủ. Sau đó, ông có cho Công ty Cà phê PA thuê lại với thời hạn 20 năm, nhưng Công ty Cà phê PA đòi hỏi là phải có tư cách pháp nhân nên ông H phải ủy quyền nhờ Hợp tác xã đứng ra ký hợp đồng thay cho ông. Sau khi bàn giao cho Công ty Cà phê PA thuê, ông và gia đình đã dời vào xã E, huyện C sinh sống, trong quá trình chuyển nhà ông bị mất giấy tờ. Sau đó, ông có về làm đơn xin xác nhận lại và đã được ông H2, ông Q1, ông L1 ký xác nhận lại cho ông. Công ty Cà phê PA tự ý thanh lý tài sản cho ông Huỳnh Đức D mà không thông báo cho ông H biết.

Vì vậy, ông Mai H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Huỳnh Đức D phải trả lại cho ông diện tích đất 208m² tại thôn T, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại mặt bằng cho ông H.

Bị đơn ông Huỳnh Đức D trình bày:

Ngày 16/3/2006, ông Huỳnh Đức D có ký Hợp đồng kinh tế số 04/HĐKT-PA về việc bán thanh lý nhà xưởng tại huyện C để mua lại nhà xưởng của Công ty cà phê PA với giá 180.000.000 đồng (Chỉ mua tài sản trên đất, đất là của nhà nước). Nhà xưởng là 01 căn nhà xây cấp 4, mái lợp tôn, diện tích 192m², nằm trên đất, đất có tứ cận: Phía Đông giáp Hội trường thôn T; Phía Tây giáp đường liên thôn; Phía Nam giáp đất ông V, Phía Bắc giáp đường liên xã.

Khi Công ty Cà phê PA bán thanh lý tài sản chuyển nhượng thì Công ty xác định tài sản trên đất không có tranh chấp, ông D đã giao đủ tiền cho Công ty, Công ty cũng đã giao tài sản trên đất cho ông quản lý, sử dụng từ thời điểm ký hợp đồng đến nay.

Quá trình sử dụng ông đã sửa sang lại nhà xây cấp 4. Ông D không biết việc ông Mai H cho rằng nguồn gốc quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là của ông Mai H ủy quyền cho Hợp tác xã B để cho Công ty Cà phê PA thuê lại. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Mai H.

Việc ông mua lại tài sản trên đất từ Công ty Cà phê PA là đúng pháp luật, quá trình sử dụng không tranh chấp. Về quyền sử dụng đất: Tại thời điểm mua tài sản trên đất, đại diện Công ty Cà phê PA có nói Công ty thuê đất của Hợp tác xã B nên khi hết thời hạn thuê thì gia đình ông được ưu tiên ký hợp đồng tiếp hoặc chuyển nhượng theo đúng quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C trình bày:

Việc Hợp tác xã B chuyển nhượng đất cho ông Mai H là có tính lịch sử lâu dài. Ủy ban nhân dân xã Q không nắm được việc mua bán, sang nhượng giữa ông Mai H và Hợp tác xã B. Việc năm 1994 Hợp tác xã B mua bán sang nhượng đất cho ông Mai H là sai quy định của Luật Đất đai năm 1993 đã có hiệu lực, nên cần xem xét lại tính hợp pháp việc mua bán sang nhượng này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Đối với nguồn gốc đất giữa ông Mai H và ông Huỳnh Đức D thì Ủy ban nhân dân xã Q không nhận được giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất của các bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cà phê PA trình bày:

Ngày 10/02/1997, vợ chồng ông Mai H, bà Võ Thị N1 có thuê mặt bằng với Hợp tác xã B diện tích 192m² (dài 16m, rộng 8m), thời gian thuê 25 năm, bắt đầu từ năm 1995 đến hết năm 2020. Trên diện tích đất này ông H, bà N1 xây dựng 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 128m², tài sản trong nhà gồm có 01 mô tơ bơm nước loại Kamaz10, 02 tủ bán hàng, 01 bộ salon thê, 01 tủ buýp phê. Ông H, bà N1 đã đồng thuận nhượng lại hợp đồng thuê đất và toàn bộ tài sản cho Công ty Cà phê PA với số tiền 130.000.000 đồng.

Cùng ngày 10/02/1997, Hợp tác xã Nông nghiệp B đã cho Công ty Cà phê PA (nay là Công ty Cổ phần Cà phê PA) nhận thầu Khu dịch vụ nông nghiệp HTX B với diện tích 192m² gồm: Lô I+II: 128m² (dài 16m x rộng 8m); Lô III: 64m² (dài 16m x rộng 4m).

Tổng số tiền Công ty chi trả cho ông Mai H và Hợp tác xã B để nhận thầu lô đất và sở hữu tài sản trên đất là 229.000.000 đồng. Công ty đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán và được giao tài sản và đất theo đúng hợp đồng.

Năm 2006, do không có nhu cầu sử dụng nên Công ty đã bán thanh lý lại nhà xưởng cho ông Huỳnh Đức D và giao cho ông D quản lý, sử dụng, định đoạt theo quy định của pháp luật.

Về khởi kiện của ông Mai H, Công ty có quan điểm như sau:

Đối với diện tích đất: Căn cứ theo Hợp đồng giữa Công ty và Hợp tác xã B, thời gian Công ty đang có quyền sử dụng đất đến hết năm 2020. Sau khi hết thời gian trên Công ty bàn giao lại cho Hợp tác xã B và mọi thủ tục được thực hiện theo quy định pháp luật.

Đối với tài sản trên đất: Công ty có quyền sở hữu hợp pháp đối với toàn bộ tài sản ông Mai H đã sang nhượng cho Công ty. Hiện nay toàn bộ tài sản này thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Đức D.

Đến nay đã hết thời hạn Công ty thuê đất theo hợp đồng, vì vậy ông D có trách nhiệm liên lạc với cơ quan có thẩm quyền để xử lý đối với toàn bộ diện tích đất mà HTX B đã cho Công ty thuê.

Toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất không liên quan đến ông Mai H. Do vậy, Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Mai H và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn Q1 trình bày:

Ông giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P2 từ năm 1989 đến 1998 thì chia tách thành thị trấn P2 và xã Q. Trước đây đã lâu, ông không nhớ rõ ngày tháng năm, Hợp tác xã B có nhu cầu xây dựng trường mẫu giáo để phục vụ việc giữ trẻ, nhưng do không có kinh phí nên Hợp tác xã B hoán đổi đất để lấy tiền

xây dựng công trình. Hợp tác xã B có làm thủ tục nhờ Ủy ban nhân dân xã P2 xác nhận việc ông Mai H có nghĩa vụ xây trường mẫu giáo cho Hợp tác xã B, Hợp tác xã B giao cho ông Mai H diện tích đất 208m², gồm 02 thửa đất:

Thửa đất thứ nhất: Chiều ngang 8m, chiều dài 18m. Phía Đông giáp Hội trường Hợp tác xã, phía Nam giáp đường liên xã Q đi xã D1, phía Tây giáp đường liên thôn từ thôn T đi thôn R, phía Bắc giáp lô thứ 02.

Thửa đất thứ hai: Chiều ngang 4m, chiều dài 16m. Phía Đông giáp trường tiểu học J, phía Tây giáp đường liên thôn từ thôn T đi thôn R, phía Nam giáp lô đất thứ nhất và Hội trường Hợp tác xã, phía Bắc giáp nhà kho Hợp tác xã (nay là nhà ông Đặng Viết V).

Ông không rõ Hợp tác xã B có các giấy tờ về việc được nhận đất, quyết định giao đất hay không, vì Hợp tác xã B đã hình thành và sử dụng diện tích đất nói trên từ trước thời điểm ông làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã P2.

Người làm chứng ông Nguyễn Đình S trình bày:

Ông là bạn của ông Mai H từ nhỏ. Đầu năm 1995, Hợp tác xã B giao cho ông Mai H diện tích đất 208m², gồm 02 thửa đất như ông Q1 đã trình bày nêu trên. Ông H có nhờ ông giám sát công trình cho ông H, coi thợ làm và coi vật liệu. Đối với giấy tờ giữa ông H và Hợp tác xã B thì ông không rõ, nhưng ông có thấy ông H giao cho ông H2 (đã chết, trước đây là Chủ nhiệm Hợp tác xã B) số tiền 60.000.000 đồng để Hợp tác xã B xây trường mẫu giáo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, 157, 158, 165, 166, 224, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 130, 131, 133, 395, 409, 690 của Bộ luật Dân sự; Điều 30 Luật Đất đai năm 1993; điểm 19 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai H.

Buộc ông Huỳnh Đức D có nghĩa vụ trả lại cho ông Mai H quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản trên đất tại thửa số 138, tờ bản đồ số 17, tổng diện tích 219,6m², được chia làm 02 thửa liền kề nhau:

+ Thửa thứ nhất có tổng diện tích 147,6m², vị trí tứ cận: Phía Đông giáp Hội trường thôn T, cạnh dài 18m; phía Tây giáp đường nội thôn, cạnh dài 18m;

phía Bắc giáp lô đất thứ 02, cạnh dài 8,2m; phía Nam giáp đường liên xã, cạnh dài 8,2m.

+ Thửa thứ hai có tổng diện tích 72m², vị trí tứ cận: Phía Đông giáp trường tiểu học J, cạnh dài 4m; phía Tây giáp đường nội thôn, cạnh dài 4m; phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn O, cạnh dài 18m; phía Nam giáp lô đất thứ nhất, cạnh dài 8,2m và giáp hội trường thôn T, cạnh dài 9,8m

Ông Mai H có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Đức D số tiền 390.212.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Đức D phải hoàn trả cho ông Mai H 2.200.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

3. Về án phí:

Ông Huỳnh Đức D được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Mai H phải chịu 19.510.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019892 ngày 12/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Ông Mai H còn phải nộp 19.210.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 04/10/2022, bị đơn ông Huỳnh Đức D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 12/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar ban hành Quyết định kháng nghị số 465/QĐ-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm: Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Mai H giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, bị đơn ông Huỳnh Đức D giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Đức D và chấp nhận Quyết định kháng nghị số 465/QĐ-VKS-DS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar; hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 74/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Mai H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã Q và người làm chứng ông Nguyễn Văn Q1 - Nguyên Chủ tịch xã P2 đều thừa nhận vào năm 1994, do gặp khó khăn về kinh tế nên Hợp tác xã nông nghiệp B đã có chủ trương đổi đất lấy kinh phí xây dựng trường học. Cụ thể, Hợp tác xã nông nghiệp B đã đổi 02 thửa đất liền kề nhau có tổng diện tích 208m², tọa lạc tại thôn T, xã Q, huyện C cho ông Mai H để lấy số tiền 120.000.000 đồng là có thật. Tuy nhiên, việc Hợp tác xã nông nghiệp B đổi đất (Thực tế là chuyển nhượng QSDĐ) cho ông Mai H là vi phạm điều cấm của pháp luật về những trường hợp không được chuyển quyền sử dụng đất bao gồm: Đất được giao cho các tổ chức mà pháp luật quy định không được chuyển quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Luật Đất đai năm 1993. Theo đó, Hợp tác xã chỉ có quyền chuyển nhượng tài sản trên đất chứ không có thẩm quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vì vậy không thể công nhận quyền sử dụng đất cho ông Mai H.

Theo Hợp đồng kinh tế về việc nhận thầu khu dịch vụ nông nghiệp Hợp tác xã B ngày 10/02/1997, thể hiện Hợp tác xã Nông nghiệp B cho Công ty Cà phê P thuê diện tích đất đang có tranh chấp trong thời hạn 24 năm, từ năm 1997 đến hết năm 2020. Sau đó, do không có nhu cầu sử dụng nên Công ty Cà phê PA chuyển nhượng lại tài sản trên đất cho bị đơn ông Huỳnh Đức D. Ông D và Công ty Cà phê PA đều xác định ông D chỉ nhận chuyển nhượng tài sản trên đất của Công ty cà phê PA chứ không nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên không có tranh chấp gì về quyền sử dụng đất, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc ông D phải trả lại diện tích đất cho ông H là không đúng và không đảm bảo công tác thi hành án. Theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm cho thấy hiện nay diện tích đất tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ diện tích đất tranh chấp hiện nay

thuộc quyền quản lý của UBND xã Q hay của UBND huyện C? Nếu thuộc quyền quản lý của UBND huyện C thì cần đưa UBND huyện C vào tham gia tố tụng trong vụ án này.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ, chưa đánh giá đúng bản chất nội dung vụ án và tuyên xử làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Đức D và chấp nhận kháng nghị của VKSND huyện Cư M'gar - Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự;

[1.1] Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 465/QĐ-VKS-DS ngày 12/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Đức D.

[1.3] Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về chi phí tố tụng: Sẽ được quyết định khi vụ án được Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi vụ án được Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Đức D không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng